

Số: **M** /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 18 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập; điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; danh mục các dự án đầu tư cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 24/BC-KTNS ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2023, cụ thể như sau:

1. Các dự án, công trình cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai và phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai trên địa bàn thành phố năm 2023: 43 Dự án. Trong đó:

a) Tổng diện tích đất lúa phải chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha của 34 dự án là: 103,4 ha;

b) Tổng diện tích đất phải thu hồi của 37 dự án là: 401,55 ha.

2. Các dự án, công trình điều chỉnh, bổ sung về tên dự án đầu tư, địa điểm thực hiện và tên lô đất, số tờ bản đồ, số thửa đất, diện tích đất phải thu hồi, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng: 07 Dự án.

3. Mức vốn ngân sách Nhà nước dự kiến cấp bổ sung cho việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2023 là: 4.345,18 tỷ đồng (Bằng chữ: Bốn nghìn ba trăm bốn mươi lăm tỷ một trăm tám mươi triệu đồng).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố:

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định của pháp luật; chỉ triển khai thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất khi các dự án, công trình có đầy đủ các điều kiện đúng quy định của pháp luật, bảo đảm các dự án sử dụng đất đúng mục đích và các quy định pháp luật liên quan, tránh làm thất thoát ngân sách nhà nước.

- Đối với các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa có diện tích từ 10 ha trở lên, Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra, rà soát lại, xác định cụ thể diện tích đất trồng lúa cần chuyển mục đích sử dụng đất trước khi trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua Nghị quyết chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

- Chịu trách nhiệm về hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện, tính chính xác số liệu (vị trí, loại đất, quy mô) của các dự án.

- Thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất rừng theo quy định của Luật Lâm

nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017.

- Rà soát để kịp thời đưa ra khỏi danh sách những dự án không khả thi, dự án trên thực tế đã sử dụng đất lúa, đất rừng trước khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Lựa chọn nhà đầu tư bảo đảm đúng quy định pháp luật, tránh lãng phí đất đai, thất thoát ngân sách nhà nước.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XVI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: TNMT, NNPTNT, TP;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- ĐB HĐND TP khoá XVI;
- Các VP: TU, ĐDBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TTHU, TTQH, TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- Công báo HP, Cổng TTĐT TP;
- Báo HP, Đài PTTH HP;
- Các CV VP ĐDBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.



Phạm Văn Lập

PHỤ LỤC I: DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH PHẢI CHUYÊN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 58 LUẬT ĐẤT ĐAI VÀ CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH PHẢI THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI

(Kèm theo Nghị quyết số: **11** /NQ-HĐND ngày **18** tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ giải thửa		Tổng diện tích quy hoạch thực hiện dự án (ha)	Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phải chuyển mục đích theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai			Diện tích đất thực hiện dự án, khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai				Căn cứ pháp lý
				Số thửa đất	Số tờ bản đồ		Diện tích đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đã thu hồi (ha)	Diện tích phải thu hồi (ha)	Khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng (tỷ đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
I. QUẬN LÊ CHÂN						0,49	0,49	-	-	0,49	-	-	3,10	
1	Dự án đầu tư xây dựng Làng Việt Kiều (bổ sung thu hồi đất thực hiện giai đoạn 1)	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh	Phường Vĩnh Niệm	171, 172, 174, 200	56	0,49	0,49	-	-	0,49	-	-	3,10	- Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình dự án đầu tư cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ; danh mục các dự án phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố năm 2020; - Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 của dự án; - Thông báo số 157/TB-UBND ngày 17/5/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Làng Việt kiều do Công ty cổ phần Đầu Tư và Phát triển Việt Anh làm Chủ đầu tư; - Thông báo số 320/TB-UBND ngày 24/9/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung Thông báo số 157/TB-UBND ngày 17/5/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố; - Bản vẽ vị trí khu đất; - Tổng diện tích của dự án là 9,22ha, diện tích đã thu hồi, giải phóng mặt bằng là 8,73ha, diện tích chưa giải phóng mặt bằng, chưa ban hành Quyết định thu hồi đất là 0,49ha trình danh mục để tiếp tục thực hiện dự án; - Trình danh mục để tiếp tục thực hiện dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai; khoản 11 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.
II. QUẬN ĐO SƠN						16,80	9,60	-	7,20	3,10	13,70	-	136,40	
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (km1+00) đến ngã ba Vạn Bùn (đường Lý Thái Tổ), quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng	Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn	Phường Ngọc Xuyên, phường Minh Đức, phường Vạn Hương	Công trình dạng tuyến		16,80	9,60	-	7,20	3,10	13,70	-	136,40	- Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình dự án đầu tư cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ; danh mục các dự án phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố năm 2020; - Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2021; - Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án; - Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt dự án; - Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023; - Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 1) Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023; - Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn đang thực hiện bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng; Trình danh mục để tiếp tục thực hiện dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013; khoản 11 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

11

[illegible]

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ giải thửa		Tổng diện tích quy hoạch thực hiện dự án (ha)	Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phải chuyển mục đích theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai			Diện tích đất thực hiện dự án, khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai				Căn cứ pháp lý
				Số thửa đất	Số tờ bản đồ		Diện tích đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đã thu hồi (ha)	Diện tích đất không phải thu hồi (ha)	Khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng (tỷ đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
8	Dự án chỉnh trang đô thị Lô A35 tại phường Đăng Hải	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật	Phường Đăng Hải	558,555,554, 556,557,533,550,551,486,514,532,552,531,553	Tờ Bản đồ số 02 phường Đăng Hải	5,96	3,77	-	2,19	5,96	-	-	147,99	- Thông báo số 140/TB-VP ngày 07/12/2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo tình hình thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng khu nhà ở thương mại thuộc lô A35 tại phường Đăng Hải, quận Hải An; - Quyết định số 3699/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân quận Hải An về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch tỷ lệ 1/500 Dự án lô A35 tại phường Đăng Hải; - Ranh giới điều chỉnh quy hoạch theo bản vẽ kèm theo Quyết định số 3699/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân quận Hải An.
V. QUẬN DƯƠNG KINH						7,15	6,49	-	0,66	7,15	-	-	58,11	
9	Dự án đầu tư xây dựng Trường mầm non Hưng Đạo (Giai đoạn 1)	Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh	Phường Hưng Đạo	Nhiều thửa (21,22, 27,28,29,41,42,43,...)	88	0,57	0,25	-	0,32	0,57	-	-	0,50	- Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của Hội đồng nhân dân quận Dương Kinh về chủ trương đầu tư Dự án; - Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Dự án; - Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 23/12/2022 của Hội đồng nhân dân quận Dương Kinh về Kế hoạch đầu tư công năm 2023; - Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2023; - Bản vẽ vị trí.
10	Dự án chỉnh trang đô thị tại khu dân cư Hải Phong, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật	Phường Hòa Nghĩa	9,10...20,21...139...	7	6,58	6,24	-	0,34	6,58	-	-	57,61	- Công văn số 3113/VP-XD1 ngày 12/9/2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Dự án chỉnh trang đô thị kết hợp phát triển nhà ở tại phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh trong đó thông báo ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đồng ý chủ trương triển khai các thủ tục để lựa chọn nhà đầu tư; - Công văn số 230/VP-XD1 ngày 12/01/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về việc đổi tên Dự án chỉnh trang đô thị kết hợp phát triển nhà ở tại phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh; - Bản vẽ vị trí khu đất.
				37,38,59...	8									
				4,5,6...	64									
				1,3	65									

HỒ TÀI LIỆU

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ giải thửa		Tổng diện tích quy hoạch thực hiện dự án (ha)	Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phải chuyển mục đích theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai			Diện tích đất thực hiện dự án, khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai				Căn cứ pháp lý
				Số thửa đất	Số tờ bản đồ		Diện tích đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đã thu hồi (ha)	Diện tích đất không phải thu hồi (ha)	Khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng (tỷ đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
VI. QUẬN NGŨ QUYỀN						16,04	-	-	16,04	10,09	1,51	4,44	713,39	
11	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đồng Quốc Bình, quận Ngũ Quyền, thành phố Hải Phòng (giai đoạn 2)	Ban quản lý dự án phát triển đô thị và đầu tư xây dựng công trình dân dụng	Phường Đồng Quốc Bình	Nhiều thửa đất thuộc các tờ bản đồ địa chính phường Đồng Quốc Bình do Trung tâm đo đạc, bản đồ đo vẽ năm 2000 và được Sở Địa chính ký duyệt năm 2001		14,26	-	-	14,26	8,73	1,09	4,44	536,30	- Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Dự án; - Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 1) Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023; - Bản vẽ vị trí khu đất
12	Dự án chỉnh trang đô thị tại khu vực ngõ 47 Lê Lai và ngõ 92 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, Quận Ngũ Quyền	Ủy ban nhân dân quận Ngũ Quyền	Phường Máy Chai	Thuộc một phần ô phố A16 trong Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Ngũ Quyền đến năm 2025 (tờ bản đồ địa chính số 42,43 của phường Máy Chai)		1,78	-	-	1,78	1,36	0,42	-	177,09	- Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư Dự án; - Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt dự án; - Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 1) Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023; - Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch một phần ô phố A16 trong Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Quận Ngũ Quyền đến năm 2025; - Bản vẽ vị trí khu đất.
VII. HUYỆN TIỀN LÃNG						93,14	72,60	-	20,54	82,24	-	10,90	752,11	
13	Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quang Phục	Công ty cổ phần tập đoàn Đăng Khoa	Xã Quang Phục	Nhiều thửa	04, 07, 08, 13	49,70	44,48	-	5,22	44,88	-	4,82	201,19	- Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; - Quyết định 375/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Cụm công nghiệp Quang Phục, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; - Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng đến năm 2030; - Bản vẽ vị trí quy hoạch Dự án; - Dự án trên 10 ha đất trồng lúa cần thông qua danh mục dự án thu hồi đất trước khi trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
14	Nâng cấp, cải tạo đường trục xã từ cầu Nghiện đến cầu Trắng của thôn Phương La, xã Quyết Tiến (giai đoạn 2)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiên Lãng	Xã Quyết Tiến	76; 631; 719; 782; 861; 67; 91; 152	06; 07; 11	1,18	0,07	-	1,12	0,27	-	0,91	2,20	- Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 Hội đồng nhân dân huyện Tiên Lãng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; - Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình; - Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Tiên Lãng về việc ban hành kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023, huyện Tiên Lãng; - Quyết định số 2779/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc phân bổ vốn đầu tư công năm 2023, huyện Tiên Lãng (phần B, Biểu 1, trang 6).

10/10/2023

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ giải thửa		Tổng diện tích quy hoạch thực hiện dự án (ha)	Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phải chuyển mục đích theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai			Diện tích đất thực hiện dự án, khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai				Căn cứ pháp lý
				Số thửa đất	Số tờ bản đồ		Diện tích đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đã thu hồi (ha)	Diện tích đất không phải thu hồi (ha)	Khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng (tỷ đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
15	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư tại xã Tiên Thanh, huyện Tiên Lãng	Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng	Xã Tiên Thanh	Nhiều thửa	tờ 07, tờ 06	15,33	12,14	-	3,19	15,33	-	-	74,00	- Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về chủ trương đầu tư dự án; - Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Dự án; - Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 1) Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023; - Bản vẽ vị trí khu đất tái định cư; - Dự án trên 10 ha đất trồng lúa cần thông qua danh mục dự án thu hồi đất trước khi trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
16	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Đường tỉnh 354 huyện Tiên Lãng đến Quốc lộ 10 huyện Vĩnh Bảo	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	Thị trấn Tiên Lãng, xã Tiên Thanh, xã Quyết Tiến	Công trình dạng tuyến		26,93	15,92		11,01	21,76		5,17	474,72	- Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư Dự án; - Quyết định 889/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Dự án; - Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 1) Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023; - Dự án trên 10 ha đất trồng lúa cần thông qua danh mục dự án thu hồi đất trước khi trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
VIII. HUYỆN VĨNH BẢO						130,06	115,30	-	14,76	129,59	0,47	-	1.231,25	
17	Dự án mở rộng diện tích, xây dựng phòng học chức năng, xây dựng bếp ăn, công trình phụ trợ Trường Mầm non xã Đồng Minh	Ủy ban nhân dân xã Đồng Minh	Xã Đồng Minh	442; 452; 440; 436; 437; 348; 439; 405; 404b; 402;	6	0,25	0,23	-	0,02	0,25	-	-	1,01	- Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 28/7/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo về chủ trương đầu tư dự án; - Quyết định số 4581/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật; - Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc điều chỉnh (lần 1) Kế hoạch đầu tư công năm 2023; - Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc điều chỉnh (lần 1) kế hoạch các nguồn vốn đầu tư công năm 2023; - Bản vẽ vị trí khu đất.
18	Dự án mở rộng sân tập, xây tường bao Trường THPT Tô Hiệu	Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo	Xã Việt Tiến	358 đến 365; 404 đến 405; 352 đến 355	03	0,49	0,49	-	-	0,49	-	-	2,16	- Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 14/3/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc quyết định chủ trương đầu tư công trình; - Quyết định số 2397/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật; - Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc điều chỉnh (lần 1) Kế hoạch đầu tư công năm 2023; - Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc điều chỉnh (lần 1) kế hoạch các nguồn vốn đầu tư công năm 2023; - Bản vẽ tổng mặt bằng.

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ giải thửa		Tổng diện tích quy hoạch thực hiện dự án (ha)	Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phải chuyển mục đích theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai			Diện tích đất thực hiện dự án, khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai				Căn cứ pháp lý
				Số thửa đất	Số tờ bản đồ		Diện tích đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đã thu hồi (ha)	Diện tích đất không phải thu hồi (ha)	Khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng (tỷ đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
19	Dự án xây dựng nhà thể thao đa năng Trường THCS xã Tam Cường	Ủy ban nhân dân xã Tam Cường	Xã Cổ Am	1;2; 3; 4	2	0,29	0,29	-	-	0,29	-	-	1,28	- Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 14/3/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc về việc quyết định chủ trương đầu tư công trình; - Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật; - Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc điều chỉnh (lần 1) Kế hoạch đầu tư công năm 2023; - Quyết định số 1119/QĐ-UNND ngày 15/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc điều chỉnh (lần 1) kế hoạch các nguồn vốn đầu tư công năm 2023; - Bản vẽ tổng mặt bằng.
20	Dự án xây dựng Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh An	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh An	Xã Vĩnh An	36-41; 125, 126	11	0,60	0,60	-	-	0,60	-	-	2,69	- Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc quyết định chủ trương đầu tư; - Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật; - Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc điều chỉnh (lần 1) Kế hoạch đầu tư công năm 2023; - Quyết định số 1119/QĐ-UNND ngày 15/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc điều chỉnh (lần 1) kế hoạch các nguồn vốn đầu tư công năm 2023; - Bản vẽ tổng mặt bằng.
21	Dự án xây dựng Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Trần Dương	Ủy ban nhân dân xã Trần Dương	Xã Trần Dương	346, 347	20	0,39	0,39	-	-	0,39	-	-	1,75	- Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30/5/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc quyết định chủ trương đầu tư; - Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật; - Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc điều chỉnh (lần 1) Kế hoạch đầu tư công năm 2023; - Quyết định số 1119/QĐ-UNND ngày 15/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc điều chỉnh (lần 1) kế hoạch các nguồn vốn đầu tư công năm 2023; - Bản vẽ tổng mặt bằng.
22	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thực hiện dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn Vĩnh Bảo	Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo	Thị trấn Vĩnh Bảo	Thửa đất số 14, 16, 28, 17, 26, 27, 6, 9, tờ bản đồ số 52; thửa đất số 111, 140 tờ bản đồ số 45; tờ bản đồ số 31, 46, 51, 59; Lô DTH 24		0,40	0,40	-	-	-	0,40	-	-	- Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc quyết định chủ trương đầu tư; - Quyết định số 4967/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật; - Diện tích này đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo hoàn thành giải phóng mặt bằng ngoài chỉ giới khi thực hiện Dự án Phát triển khu dân cư tại thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo; - Bản vẽ tổng mặt bằng; Hồ sơ thu hồi đất, phương án bồi thường, đơn xin thu hồi đất của các hộ gia đình Trần Văn Thiệt, Phạm Văn Phấn, Phạm Thị Chuân, Phạm Văn Kết, Đoàn Thị Tha, Phạm Văn Thịnh, Phạm Minh Hiếu, Phạm Thị Mùi.

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ giải thửa		Tổng diện tích quy hoạch thực hiện dự án (ha)	Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phải chuyển mục đích theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai			Diện tích đất thực hiện dự án, khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai				Căn cứ pháp lý
				Số thửa đất	Số tờ bản đồ		Diện tích đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đã thu hồi (ha)	Diện tích đất không phải thu hồi (ha)	Khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng (tỷ đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
23	Dự án đầu tư xây mới, nâng cấp các Trạm Y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Ban Quản lý dự án phát triển đô thị và đầu tư xây dựng công trình dân dụng	Thị trấn Vĩnh Bảo	Lô CC 20- Trung tâm hành chính mới thị trấn Vĩnh Bảo	Thửa 53-60, tờ bản đồ số 46, 51	0,07	0,07	-	-	-	0,07	-	-	- Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư Dự án; - Quyết định số 4459/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Dự án; - Diện tích này đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo hoàn thành giải phóng mặt bằng ngoài chỉ giới khi thực hiện Dự án Phát triển khu dân cư tại thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo; - Hồ sơ thu hồi đất, phương án bồi thường, đơn xin thu hồi đất của các hộ gia đình: Phạm Văn Huyền, Phạm Văn Thiệp, Phạm Văn Hưng, Phạm Thị Huệ.
24	Dự án xây dựng đoạn đường nối từ Cụm Công nghiệp Giang Biên, xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo đến Quốc lộ 10	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Bảo	Xã Giang Biên	Công trình dạng tuyến	11, 14	2,04	0,55	-	1,49	2,04	-	-	73,60	- Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo quyết định chủ trương đầu tư; - Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo quyết định phê duyệt dự án đầu tư; - Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc điều chỉnh (lần 1) Kế hoạch đầu tư công năm 2023; - Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc điều chỉnh (lần 1) kế hoạch các nguồn vốn đầu tư công năm 2023; - Sơ đồ vị trí tuyến.
25	Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Dũng Tiến - Giang Biên	Công ty Cổ phần công nghiệp Dũng Tiến	Xã Dũng Tiến, xã Giang Biên	Nhiều thửa	Xã Giang Biên tờ bản đồ số 10; xã Dũng Tiến tờ bản đồ số 10, 11, 12, 23	49,97	47,47	-	2,50	49,97	-	-	486,93	- Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Cụm công nghiệp Dũng Tiến - Giang Biên; - Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Cụm công nghiệp Dũng Tiến - Giang Biên; - Bản vẽ vị trí khu đất; - Dự án trên 10 ha đất trồng lúa cần thông qua danh mục dự án thu hồi đất trước khi trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
26	Dự án Khu dân cư nông thôn mới Nhân Hòa	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật	Thôn Mai Sơn, xã Nhân Hòa	82- 116; 120 - 157, 159 - 169; 170 - 202; 203 - 237; 226 - 272; 337 - 622 132-135; 141-180, 236; 331-337; 343-348; 357-361; 380-382; 363-379; 389-418; 500-508 08-12; 14-48; 51-59; 61-68; 71-87; 93-164; 346-457, 416-425,).	Tờ bản đồ số 08 Tờ bản đồ số 09 Tờ bản đồ số 07	47,25	44,00	-	3,25	47,25	-	-	193,60	- Thông báo số 471/TB-UBND ngày 25/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo về ý tưởng quy hoạch Khu dân cư mới xã Nhân Hòa tại xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo; - Công văn số 1444/VP-QH ngày 10/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Dự án khu dân cư nông thôn mới Nhân Hòa, xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo; - Dự án trên 10 ha đất trồng lúa cần thông qua danh mục dự án thu hồi đất trước khi trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ giải thửa		Tổng diện tích quy hoạch thực hiện dự án (ha)	Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phải chuyển mục đích theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai			Diện tích đất thực hiện dự án, khai toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai				Cơ sở pháp lý
				Số thửa đất	Số tờ bản đồ		Diện tích đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đã thu hồi (ha)	Diện tích đất không phải thu hồi (ha)	Khai toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng (tỷ đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
27	Dự án chỉnh trang đô thị tại Khu dân cư Bắc Hải, thị trấn Vĩnh Bảo	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Bảo	Khu dân cư Bắc Hải, thị trấn Vĩnh Bảo	20, 21, 22, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 43, 44, 70, 71, 79, 80, 81 đến 100	Tờ bản đồ số 37	1,09	1,09	-	-	1,09	-	-	4,88	- Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 30/5/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo quyết định chủ trương đầu tư; - Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo về điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư; - Quyết định số 4966/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật; - Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo về việc điều chỉnh (lần 1) Kế hoạch đầu tư công năm 2023; - Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc điều chỉnh (lần 1) kế hoạch các nguồn vốn đầu tư công năm 2023. - Bản vẽ mặt bằng.
28	Dự án Chỉnh trang đô thị tại xứ Đồng Chín, thị trấn Vĩnh Bảo	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật	Thị trấn Vĩnh Bảo	Lô NO04, NO05 và CX1 theo quy hoạch thị trấn Vĩnh Bảo được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 894/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố		9,91	9,0	-	0,91	9,91	-	-	39,60	- Công văn số 263/VP-XD3 ngày 13/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Dự án nhà ở tại xứ đồng Chín, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo; - Thông báo số 64/TB-UBND ngày 24/3/2023 của UBND thành phố về Kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố Lê Anh Quân; - Bản vẽ vị trí khu đất.
29	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt sông Hóa và đoạn tuyến qua Hải Phòng của tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi cầu Ngành	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	Xã Đồng minh, xã Hưng Nhân	Công trình dạng tuyến (xã Đồng Minh tờ bản đồ giải thửa số 01; xã Hưng Nhân tờ bản đồ giải thửa số 07, 08)		9,68	7,04		2,64	9,68			69,79	- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư Dự án; - Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Dự án; - Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 1) Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023.
30	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Đường 354 huyện Tiên Lãng đến Quốc lộ 10 huyện Vĩnh Bảo	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	Xã Vĩnh An	Công trình dạng tuyến (tờ bản đồ giải thửa số 10, 11, 12)		7,63	3,68		3,95	7,63			353,97	- Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về Quyết định chủ trương đầu tư Dự án; - Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Dự án; - Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 1) Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023; - Dự án trên 10 ha đất trồng lúa cần thông qua danh mục dự án thu hồi đất trước khi trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
IX. HUYỆN AN LÃO						115,98	88,09	-	27,89	95,71	-	20,27	570,50	
31	Dự án Khu nhà ở xã hội tại xã An Tiến, huyện An Lão	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật	Xã An Tiến	nhiều thửa (từ thửa 826 đến thửa 1230)	196-A	9,80	5,93	-	3,87	9,80	-	-	75,00	- Công văn số 4287/VP-XD1 ngày 27/10/2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đồng ý với phương án nghiên cứu quy hoạch chi tiết 1/500; - Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết 1/500; - Bản vẽ vị trí, ranh giới khu đất.

10/10/2023

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ giải thửa		Tổng diện tích quy hoạch thực hiện dự án (ha)	Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phải chuyển mục đích theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai			Diện tích đất thực hiện dự án, khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai				Căn cứ pháp lý
				Số thửa đất	Số tờ bản đồ		Diện tích đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đã thu hồi (ha)	Diện tích đất không phải thu hồi (ha)	Khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng (tỷ đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
32	Dự án Khu đô thị mới tại thị trấn An Lão, xã An Tiến, xã An Thắng, huyện An Lão	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật	Thị trấn An Lão, xã An Thắng, xã An Tiến	321, 308, 121 128, 129; 9, 10, 11, 12 22-47; 51-61; 70-79; 91-112; 119-168; 170-177; 181-189; 201-241; 270-278; 283-307; 343-345; 349-386; 407; 419-446; 494-521; 610-639; 677, 686, 704; 754-765; 2221, 2261, 2281, 2291 60, 61; 66-68; 79-109; 115-117; 125-150; 153-286	195-D2; 196-C1; 196-C2 196-C 196-C	34,70	20,95	-	13,75	34,70	-	-	303,30	- Công văn số 5248/UBND-XD1 ngày 03/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng ý chủ trương lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; - Quyết định số 4070/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 Dự án; - Bản vẽ vị trí, ranh giới khu đất; - Dự án trên 10 ha đất trồng lúa cần thông qua danh mục dự án thu hồi đất trước khi trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
33	Dự án đầu tư xây dựng Cụm Công nghiệp An Thọ	Công ty cổ phần đầu tư An Thọ	Xã An Thọ	1+2+3+4+5+6... 501+502+503+504 ... 601+602+603+... 827.	F48-118-317-D	49,94	40,94	-	9,00	49,94	-	-	192,20	- Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; - Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Cụm công nghiệp An Thọ; - Bản vẽ vị trí, ranh giới khu đất; - Dự án trên 10 ha đất trồng lúa cần thông qua danh mục dự án thu hồi đất trước khi trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
34	Dự án xây dựng kho xưởng; Thương mại, dịch vụ Logistics tại xã Chiến Thắng	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật	Chiến Thắng	184; 183; 182a; 182b+213; 213+214; 214+218; 218+243; 243; 185; 185+211; 211+212; 212; 212; 212+219; 219+241; 242; 242; 242+245; 245; 245+263; 263; 210+286; 287+220; 239; 239+240; 247+246; 246; 222; 221+237; 237+238; 238+248; 248	293-A-III	1,65	1,65	-	-	-	-	1,65	-	- Văn bản số 210/UBND-ĐC3 ngày 03/02/2023 về việc cho phép thực hiện thủ tục thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp tại xã Chiến Thắng, huyện An Lão; - Bản vẽ vị trí, ranh giới khu đất.
35	Dự án xây dựng nhà xưởng và nhà kho phục vụ sản xuất các mặt hàng may mặc, dây da, bao bì, dây đai, dây buộc và các loại dây khác	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật	Xã Mỹ Đức	82; 32; 85; 90; 77; 117, 117; 78; 117; 77; 80; 84; 49; 41; 156; 176; 176; 117; 77; 84; 118; 117; 162; 85; 77; 88;	294-C	5,39	5,39	-	-	-	-	5,39	-	- Văn bản số 6215/UBND-ĐC3 ngày 30/12/2022 về việc cho phép thực hiện thủ tục thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp tại thôn Tân Nam, xã Mỹ Đức, huyện An Lão; - Bản vẽ vị trí, ranh giới khu đất



STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ giải thửa		Tổng diện tích quy hoạch thực hiện dự án (ha)	Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phải chuyển mục đích theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai			Diện tích đất thực hiện dự án, khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai				Căn cứ pháp lý
				Số thửa đất	Số tờ bản đồ		Diện tích đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đã thu hồi (ha)	Diện tích đất không phải thu hồi (ha)	Khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng (tỷ đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
36	Dự án xây dựng nhà xưởng và nhà kho phục vụ sản xuất các mặt hàng may mặc, dây da, bao bì, dây đai, dây buộc và các loại dây khác	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật	Xã Mỹ Đức	329; 331 đến 348; 327; 328; 369; 349 đến 362; 325; 326; 364; 367; 368; 370 đến 374; 322; 321; 324; 313; 365; 366; 375 đến 452; 457; 458; 459; 460; 461; 462; 405; 465; 467; 468; 469; 470	269-C	4,60	4,60	-	-	-	-	4,60	-	- Văn bản số 6238/UBND-ĐC3 ngày 31/12/2022 về việc cho phép thực hiện thủ tục thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp tại thôn Kim Châm, xã Mỹ Đức, huyện An Lão; - Bản vẽ vị trí, ranh giới khu đất
37	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất sơ mi rô mooc, kết cấu thép, công nghiệp nhựa và kho bãi	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật	Xã Quang Hưng	926; 947; 1006; 946; 945; 1007; 1016; 1017; 944; 943; 942; 941; 1008; 1009; 1015; 1010; 1011; 1013; 1014; 1012; 24; 25; 26; 48; 27; 47; 28; 29; 44; 46; 45; 107; 108; 109; 106; 115; 116; 227; 118; 167; 168; 169; 170; 171; 172; 173; 194; 195; 49; 50; 51; 102; 103; 104; 105; 119; 120; 121; 122; 123; 161; 162; 163; 164; 165; 166	193-B; 193-D	4,40	3,89	-	0,51	0,51	-	3,89	-	- Công văn số 235/UBND-ĐC3 ngày 07/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc cho phép nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất; - Bản vẽ vị trí, ranh giới khu đất
38	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất bao bì xuất khẩu tại xã Tân Viên	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật	Xã Tân Viên	326; 773; 727; 728; 729 ... 857; 858; 897; 898; 866; 903; 904; 326; 362;	268-B	1,50	1,50	-	-	-	-	1,50	-	- Công văn số 165/UBND-ĐC3 ngày 30/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc cho phép nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất; - Bản vẽ vị trí, ranh giới khu đất
39	Dự án xây dựng cơ sở sản xuất cơ khí, bao bì và kho bãi	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật	Xã Tân Viên	348-378; 416-419; 430-459; 470; 471; 500... 808-819; 834-383; 872; 893-895; 910; 911; 931; 932; 960; 977; 978; 7013; 834; 910; 1013	243B; 244A; 243B; 244A	4,00	3,24	-	0,76	0,76	-	3,24	-	- Công văn số 401/UBND-ĐC3 ngày 24/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc cho phép nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất; - Bản vẽ vị trí, ranh giới khu đất
X. HUYỆN KIẾN THỤY						9,10	8,67	-	0,44	9,10	-	-	39,01	
40	Dự án xây dựng trường THCS Tân Trào, huyện Kiến Thụy (giai đoạn 1)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Kiến Thụy	Thôn Ngọc Tinh xã Tân Trào, xã Đại Hà	328, 329, 330, 331	3	2,34	2,23	-	0,12	2,34	-	-	10,02	- Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiến Thụy về việc quyết định chủ trương đầu tư xây dựng công trình; - Quyết định số 4601/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình; - Nghị quyết số 218/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiến Thụy về phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023; - Quyết định số 6555/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy về việc phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công năm 2023; - Bản vẽ vị trí khu đất.

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ giải thửa		Tổng diện tích quy hoạch thực hiện dự án (ha)	Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phải chuyển mục đích theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai			Diện tích đất thực hiện dự án, khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai				Căn cứ pháp lý
				Số thửa đất	Số tờ bản đồ		Diện tích đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đã thu hồi (ha)	Diện tích đất không phải thu hồi (ha)	Khái toán kinh phí BT, giải phóng mặt bằng (tỷ đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
41	Xây dựng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thanh Sơn, hạng mục Xây dựng nhà lớp học, phòng chức năng và công trình phụ trợ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Kiến Thụy	Khu Đồng Cừa, thôn Xuân La, xã Thanh Sơn	1242, 1243, 1137, 1138	1	0,400	0,40	-	-	0,40	-	-	1,80	- Nghị quyết số 143/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiến Thụy về việc quyết định chủ trương đầu tư xây dựng công trình; - Nghị quyết số 206/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiến Thụy điều chỉnh chủ trương đầu tư công trình; - Quyết định số 4602/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình; - Nghị quyết số 218/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Kiến Thụy về phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023; - Quyết định số 6555/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy về việc phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công năm 2023; - Bản vẽ vị trí khu đất.
42	Dự án xây dựng Khu dân cư nông thôn mới tại xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật	Thôn Cẩm La, xã Thanh Sơn	1-4,59-70,119-120, 125-127, 131, 202, 203,206, 210-2014,233-239,276-281,292-298	03 - Sứ đồng hồ	6,36	6,04	-	0,32	6,36	-	-	27,19	- Thông báo số 364/TB-UBND ngày 23/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố, trong đó giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy bổ sung Dự án vào danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để trình Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định; - Quyết định số 5130/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy về việc phê duyệt điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu nhà ở tại xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy; - Bản vẽ vị trí khu đất.
XI. HUYỆN THỦY NGUYÊN						34,90	34,90	-	0,00	34,90	-	-	247,60	
43	Dự án xây dựng khu tái định cư tại xã Hoa Động, xã Lâm Động phục vụ giải phóng mặt bằng một số dự án trên địa bàn thành phố	Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên	Xã Hoa Động, xã Lâm Động	nhiều thửa	Tờ BDGT 299	29,70	29,70			29,70			217,48	- Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về quyết định chủ trương đầu tư Dự án; - Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Dự án; - Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 1) Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023; - Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên về phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500. - Dự án trên 10ha đất trồng lúa cần thông qua danh mục dự án thu hồi đất trước khi trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
44	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư tại xã Lại Xuân	Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên	Xã Lại Xuân	nhiều thửa	Tờ BDGT 299	5,20	5,20			5,20			30,12	- Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về quyết định chủ trương đầu tư Dự án; - Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt Dự án; - Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 1) Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2023; - Quyết định số 13017/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.
TỔNG HỢP						452,84	359,00	-	93,84	401,55	15,68	35,61	4.191,53	

PHỤ LỤC II: DANH MỤC DỰ ÁN PHẢI ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI, DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG VÀ MỨC VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DỰ KIẾN CẤP CHO VIỆC BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

(Kèm theo Nghị quyết số: **M** /NQ-HĐND ngày **18** tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Tên dự án	Hội đồng nhân dân thành phố đã thông qua		Điều chỉnh kỳ này	Căn cứ pháp lý	Lý do điều chỉnh
		Tên Nghị quyết	Nội dung			
I. QUẬN ĐỒ SƠN						
1	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Minh Đức Lô N 24-2 và N24-3	Số thứ tự 9, mục II, biểu 1, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 22/7/2022	- Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Minh Đức Lô N 24-2 và N24-3; - Số tờ bản đồ: 31-36; 46-72; 77-88, 94, 95; 99-117; 121-124, 129; 132-142; 147, 150, 155, 183, 184 - Số thửa đất: 33	- Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Ngọc Xuyên Lô N36-2; - Số thửa: 64,85,80,79,82,66,67,83,96,99,84,100,101,86,69,59,58,57,51,46,47,35,34,78,56,70,54,55,15,32,50; - Số tờ: 33	- Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của Hội đồng nhân dân quận Đồ Sơn quyết định chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Ngọc Xuyên (Lô N36-2) - Quyết định số 195/QĐ-UBND, ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất thuộc Lô N36-2, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn	- Lý do điều chỉnh tên: do sai sót trong quá trình tổng hợp thông tin tên dự án. - Lý do điều chỉnh số thửa đất: theo báo cáo của Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuyên, Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn, năm 2022 trong quá trình rà soát số thửa đất thuộc phạm vi lô N36-2 đã tổng hợp không chính xác do thiếu sót, nhầm lẫn. Nay rà soát đối chiếu xác định lại các thửa đất theo quy hoạch. - Do sai sót trong quá trình tổng hợp thông tin số tờ bản đồ (đánh thành số thửa), số thửa (đánh thành số tờ bản đồ)
2	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Ngọc Xuyên Lô N36-3	Số thứ tự 10, mục II, biểu 1, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 22/7/2022	- Số tờ bản đồ: 31-36; 46-72; 77-88, 94, 95; 99-117; 121-124, 129; 132-142; 147, 150, 155, 183, 184. - Số thửa: 33.	- Số tờ: 33. - Số thửa: 77, 88, 94, 95, 103-106, 108, 114-117; 121-124; 125-128, 132, 133, 135, 138, 140-143; 147, 150, 154, 155, 159-163.	- Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của Hội đồng nhân dân quận Đồ Sơn quyết định chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Ngọc Xuyên (Lô N36-3) - Quyết định số 194/QĐ-UBND, ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất thuộc Lô N36-3, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn	- Lý do điều chỉnh số thửa đất: theo báo cáo của Ủy ban nhân dân phường Ngọc Xuyên, Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn, năm 2022 trong quá trình rà soát số thửa đất thuộc phạm vi lô N36-3 đã tổng hợp không chính xác do thiếu sót, nhầm lẫn. Nay rà soát đối chiếu xác định lại các thửa đất theo quy hoạch. - Do sai sót trong quá trình tổng hợp thông tin số tờ bản đồ (đánh thành số thửa), số thửa (đánh thành số tờ bản đồ)
3	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Minh Đức Lô N24-2 và N24-3	Số thứ tự 8, mục II, biểu 1, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 22/7/2022	- Số tờ: 144; 235-237; 208-214; 202; 173-176; 140; 156-159; 168; 195-199; 164; 269-288; 238; 316; 241-243; 222; 293-296; 298; 249-260; 317. - Số thửa: 11.	- Số thửa: 144; 235-237; 208-214; 202; 173-176; 140; 156-159; 168; 195-199; 164; 269-288; 238; 316; 241-243; 222; 293-296; 298; 249-260; 317. - Số tờ: 11.	-Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của Hội đồng nhân dân quận Đồ Sơn quyết định chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Minh Đức Lô N24-2 và N24-3 - Quyết định số 395/QĐ-UBND, ngày 27/4/2022 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất thuộc Lô N24-2 và N24-3 phường Minh Đức, quận Đồ Sơn	Do sai sót trong quá trình tổng hợp thông tin số tờ bản đồ (đánh thành số thửa), số thửa (đánh thành số tờ bản đồ)

10

STT	Tên dự án	Hội đồng nhân dân thành phố đã thông qua		Điều chỉnh kỳ này	Căn cứ pháp lý	Lý do điều chỉnh
		Tên Nghị quyết	Nội dung			
II. QUẬN KIẾN AN						
4	Dự án xây dựng Tổ hợp Trung tâm thương mại Chợ Sắt.	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 12/4/2022	- Tên dự án: Dự án xây dựng Tổ hợp Trung tâm thương mại Chợ Sắt. - Mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng là 100 tỷ.	- Tên dự án: Dự án chỉnh trang đô thị tại phường Lãm Hà, quận Kiến An. - Mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng là 3,37 tỷ.	- Tờ trình số 22/TT-UBND ngày 07/3/2023 của Ủy ban nhân dân quận Kiến An về việc đề xuất dự án đầu tư; - Bản vẽ vị trí khu đất.	- Tại Tờ trình số 22/TT-UBND ngày 07/3/2023, Ủy ban nhân dân quận Kiến An rà soát nguồn gốc, xác định lại chi phí bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng của Dự án.
III. HUYỆN THỦY NGUYÊN						
5	Dự án đầu tư xây dựng công viên nghĩa trang Phi Liệt, huyện Thủy Nguyên	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	Tổng diện tích quy hoạch 31,3 ha (trong đó: diện tích đất trồng lúa cần chuyển mục đích sử dụng là 13,94ha; đất rừng phòng hộ cần chuyển mục đích sử dụng là 7,57ha; diện tích đất khác 9,79 ha); khái toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án là 80,0 tỷ đồng	Tổng diện tích quy hoạch 31,3 ha (trong đó: diện tích đất trồng lúa cần chuyển mục đích sử dụng là 21,92ha; đất rừng phòng hộ cần chuyển mục đích sử dụng là 6,33ha; diện tích đất khác 3,05 ha); khái toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án là 205,6 tỷ đồng	- Thông báo số 1001/TB-TU ngày 15/7/2022 của Thường trực Thành ủy về chủ trương thực hiện các dự án tại nghĩa trang Phi Liệt, huyện Thủy Nguyên; - Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy hoạch nghĩa trang thành phố Hải Phòng năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; - Thông báo số 33/TB-VP ngày 20/2/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố; - Công văn số 450/UBND-PTQĐ ngày 23/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên về việc rà soát, làm rõ hiện trạng sử dụng đất thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện 02 dự án tại nghĩa trang Phi Liệt, huyện Thủy Nguyên. - Bản vẽ vị trí khu đất.	- Do tại thời điểm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, chưa nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết dự án, mới xác định sơ bộ phạm vi và hiện trạng sử dụng đất do đó Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên xác định diện tích các loại đất thu hồi và khái toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng chưa chính xác. - Tại Công văn số 450/UBND-PTQĐ ngày 23/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên kiểm tra, rà soát lại loại đất nằm trong chỉ giới thực hiện 02 Dự án và xác định lại chi phí bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng theo các số liệu rà soát mới.
6	Dự án đầu tư xây dựng lò hỏa táng tại nghĩa trang Phi Liệt, huyện Thủy Nguyên	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	Tổng diện tích quy hoạch 3,37 ha đất rừng phòng hộ; khái toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án là 3,0 tỷ đồng	Tổng diện tích quy hoạch 3,37 ha (trong đó: diện tích đất trồng lúa cần chuyển mục đích sử dụng là 1,54ha; đất rừng phòng hộ cần chuyển mục đích sử dụng là 1,11ha; diện tích đất khác 0,72 ha); khái toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án là 31,05 tỷ đồng		



STT	Tên dự án	Hội đồng nhân dân thành phố đã thông qua		Điều chỉnh kỳ này	Căn cứ pháp lý	Lý do điều chỉnh
		Tên Nghị quyết	Nội dung			
7	Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi và chỉnh trang đô thị vùng phụ cận	Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 22/12/2020	- Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi. - Tổng quy mô thực hiện dự án là 12,17 ha, trong đó: + Xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên: 1,87ha (trong đó đất trồng lúa 1,62ha); khái toán tổng kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng là 8,2 tỷ đồng; + Phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền là 10,3 ha, khái toán tổng kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng là 971,42 tỷ đồng.	- Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi và chỉnh trang đô thị vùng phụ cận - Tổng diện tích quy hoạch 63,52ha; trong đó: + xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên là 9,05ha (gồm 6,7ha đất nuôi trồng thủy sản và 2,35ha đất trồng cây lâu năm); + Phường Máy Tơ và Máy Chai, quận Ngô Quyền là 54,47 ha. - Khái toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án là 1.576,36 tỷ đồng	Quyết định số 4554/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt dự án thành phần 2 - thu hồi đất, bồi thường, GPMB thuộc dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi và chỉnh trang đô thị vùng phụ cận; - Bản vẽ vị trí khu đất.	- Tại thời điểm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 22/12/2020, Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên căn cứ Quyết định số 3533/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị báo cáo đầu tư dự án. - Ngày 30/12/2022, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 4554/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án thành phần 2 - thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi và chỉnh trang đô thị vùng phụ cận theo đó tên dự án, phạm vi, quy mô, nguồn gốc đất và kinh phí giải phóng mặt bằng thay đổi. Do đó cần thiết phải điều chỉnh Nghị quyết để ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Thủy Nguyên làm căn cứ thu hồi đất thực hiện dự án.
		Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 19/10/2022	- Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi: - Địa điểm: phường Máy Tơ, Máy Chai, quận Ngô Quyền - Tổng diện tích quy hoạch 63,52ha; - Khái toán kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án là 1.915,4 tỷ đồng			